

**NGHỊ QUYẾT**

**Ban hành quy định về chính sách khuyến khích  
phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC  
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ TƯ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật về thuế ngày 26 tháng 11 năm 2014;*

*Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hợp tác xã;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;*

*Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;*

*Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;*

*Căn cứ Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh;*

*Căn cứ Nghị định số 21/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 55/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 của Quốc hội về miễn, giảm thuế sử dụng đất nông nghiệp;*

Căn cứ Quyết định số 62/2013/QĐ-TTg ngày 25 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn;

Căn cứ Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhằm giảm tổn thất trong nông nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015 - 2020;

Căn cứ Thông tư số 16/2013/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện việc gia hạn, giảm một số khoản thu ngân sách nhà nước theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, giải quyết nợ xấu (đính chính tại Quyết định số 755/QĐ-BTC);

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 171/2014/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện chương trình xúc tiến thương mại quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 15/2016/TT-BNNPTNT ngày 10 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn điều kiện và tiêu chí thụ hưởng hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng đối với hợp tác xã nông nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 83/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện ưu đãi đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư và Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 340/2016/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về mức hỗ trợ và cơ chế tài chính hỗ trợ bồi dưỡng nguồn nhân lực của hợp tác xã, thành lập mới hợp tác xã, tổ chức lại hoạt động của hợp tác xã theo chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015 - 2020;

Xét Tờ trình số 60/TTr-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 32/BC-HĐND-KTNS ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

## QUYẾT NGHỊ:

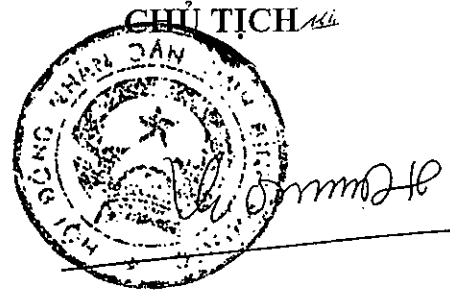
**Điều 1.** Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

**Điều 2.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các vị đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa IX, kỳ họp thứ tư thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 22 tháng 7 năm 2017./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- LĐVP, Phòng Tổng hợp;
- Lưu: VT.



**Trần Tuệ Hiền**

**QUY ĐỊNH**  
**Chính sách khuyến khích phát triển**  
**hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 37/2017/NQ-HĐND  
ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước)*

**Chương I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

**2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này được áp dụng đối với các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, thành viên hợp tác xã, thành viên của liên hiệp hợp tác xã; tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có liên quan đến việc thành lập, tổ chức, hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

**Điều 2. Những cam kết của tỉnh Bình Phước**

1. Tỉnh Bình Phước cam kết thực hiện đầy đủ các chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển kinh tế hợp tác xã trên địa bàn tỉnh với mức ưu đãi nhất theo quy định của Luật Hợp tác xã, Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp, các văn bản quy định chi tiết hướng dẫn thi hành các luật này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

2. Ngoài những quy định chính sách ưu đãi chung của Nhà nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, các chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển kinh tế khu vực hợp tác xã trên địa bàn tỉnh theo các điều, khoản được nêu trong Quy định này.

**Điều 3. Nguyên tắc áp dụng khuyến khích, ưu đãi**

1. Trường hợp pháp luật, chính sách mới được ban hành có các quyền lợi hỗ trợ và ưu đãi cao hơn với quyền lợi về hỗ trợ và ưu đãi mà các tổ chức kinh tế hợp tác xã đã được hưởng trước đó thì tổ chức đó được hưởng các quyền lợi về hỗ trợ, ưu đãi mới trong thời gian còn lại (nếu có) kể từ ngày chính sách mới có hiệu lực.

2. Trường hợp văn bản pháp luật mới ban hành quy định chính sách hỗ trợ, khuyến khích thấp hơn mức hỗ trợ và ưu đãi được hưởng trước đó thì các tổ chức kinh tế hợp tác xã được tiếp tục áp dụng ưu đãi theo quy định trước đó cho thời gian hưởng ưu đãi còn lại.



3. Trường hợp tổ chức kinh tế hợp tác xã được hưởng nhiều mức ưu đãi khác nhau sẽ được áp dụng hưởng một quyền lợi về mức hỗ trợ, ưu đãi cao nhất.

## **Chương II**

### **CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ**

#### **Điều 4. Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực**

##### **1. Hỗ trợ tham gia các lớp bồi dưỡng**

a) Đối tượng: Cán bộ quản lý và thành viên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

b) Điều kiện, tiêu chí: Cán bộ quản lý và thành viên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cử đi bồi dưỡng, nâng cao nghiệp vụ với chuyên ngành phù hợp với vị trí công tác và nhu cầu của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (có văn bản của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đề nghị hỗ trợ bồi dưỡng);

c) Nội dung hỗ trợ: Chi phí đi lại từ trụ sở chính của hợp tác xã đến cơ sở bồi dưỡng (trừ vé máy bay); chi phí mua tài liệu của khóa học, chi phí ăn, ở, chi phí tổ chức, quản lý lớp học (xây dựng giáo trình, thuê hội trường, thù lao giảng viên, tham quan, khảo sát, chi phí ăn, ở);

##### **d) Mức hỗ trợ:**

- Hỗ trợ một (01) lần tiền vé tàu, xe đi và về bằng phương tiện giao thông công cộng (trừ máy bay) từ trụ sở chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đến cơ sở đào tạo (100% theo vé, hóa đơn chứng từ). Trường hợp tự túc phương tiện, hỗ trợ theo mức khoán 1.000 đồng/km;

- Hỗ trợ 100% kinh phí mua giáo trình, tài liệu trực tiếp phục vụ chương trình khóa học (không bao gồm tài liệu tham khảo);

- Hỗ trợ 50% chi phí ăn, ở.

e) Nguồn kinh phí: Ngân sách Trung ương hỗ trợ 100% bằng nguồn kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

##### **2. Hỗ trợ đào tạo**

a) Đối tượng áp dụng: Các chức danh trong Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng trong hợp tác xã;

##### **b) Điều kiện, tiêu chí:**

- Được hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cử đi đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ với chuyên ngành phù hợp với vị trí công tác và nhu cầu của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

- Có văn bản của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đề nghị hỗ trợ đào tạo;

- Đủ điều kiện tuyển sinh theo yêu cầu của cơ sở đào tạo;

- Dưới 40 tuổi đối với trường hợp cử đi đào tạo từ đại học trở lên;

- Cam kết bằng văn bản làm việc trong khu vực hợp tác xã ít nhất bằng 2 lần thời gian khóa đào tạo;

- Có hóa đơn chứng từ hợp pháp, hợp lệ.

c) Nội dung hỗ trợ: Chi phí đi lại từ trụ sở chính của hợp tác xã đến cơ sở đào tạo (trừ vé máy bay); chi phí mua tài liệu của khóa học, chi phí ăn, ở;

d) Mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ một (01) lần tiền vé tàu, xe đi và về bằng phương tiện giao thông công cộng (trừ vé máy bay) từ trụ sở chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đến cơ sở đào tạo (100% theo vé, hóa đơn chứng từ). Trường hợp tự túc phương tiện, hỗ trợ theo mức khoán 1.000 đồng/km;

- Hỗ trợ 100% kinh phí mua giáo trình, tài liệu trực tiếp phục vụ chương trình khóa học (không bao gồm tài liệu tham khảo);

- Hỗ trợ 50% chi phí ăn, ở.

e) Nguồn kinh phí: Nguồn kinh phí đào tạo khác của ngân sách tỉnh.

3. Hỗ trợ thí điểm mô hình đưa cán bộ trẻ tốt nghiệp đại học, cao đẳng về làm việc có thời hạn ở hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã

a) Đối tượng hỗ trợ: Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

b) Điều kiện hỗ trợ:

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có phương án sử dụng lao động; ký hợp đồng lao động với người lao động theo quy định của Bộ luật Lao động hiện hành và các văn bản hướng dẫn; có văn bản đề nghị được hỗ trợ;

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc đối tượng hỗ trợ theo Kế hoạch hỗ trợ phát triển hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, thuộc Kế hoạch hỗ trợ bồi dưỡng nguồn nhân lực hợp tác xã của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

- Đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch kinh phí.

c) Nội dung hỗ trợ: Hợp tác xã có nhu cầu hỗ trợ về lao động có trình độ cao đẳng trở lên để hỗ trợ quản trị, áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh phù hợp với lĩnh vực hoạt động chính của hợp tác xã được hỗ trợ như sau:

- Các hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp được hỗ trợ một lần để thuê tối đa 03 lao động có trình độ cao đẳng trở lên về làm việc tại hợp tác xã, thời hạn hỗ trợ không quá 36 tháng;

- Các hợp tác xã không hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản được hỗ trợ một lần để thuê 01 lao động có trình độ cao đẳng trở lên về làm việc tại hợp tác xã, thời hạn hỗ trợ không quá 36 tháng.

d) Mức hỗ trợ: Mức hỗ trợ tối đa cho một hợp tác xã bằng số lượng lao động được hỗ trợ x (nhân) mức lương tối thiểu vùng x (nhân) số tháng được hỗ trợ. Các khoản phải trích nộp theo quy định của pháp luật hiện hành (ví dụ: bảo



hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn) do hợp tác xã và người lao động chi trả theo quy định;

e) Nguồn kinh phí: Theo kế hoạch được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

4. Các nội dung hỗ trợ đối với các tổ chức hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải nằm trong chương trình, kế hoạch hàng năm được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

### **Điều 5. Hỗ trợ xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường**

1. Hỗ trợ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tham gia các triển lãm trong và ngoài nước; tổ chức các hội chợ, triển lãm dành riêng cho khu vực hợp tác xã; xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa, xây dựng và triển khai cổng thông tin điện tử, sàn giao dịch thương mại điện tử cho các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Hỗ trợ tổ chức, tham gia các triển lãm trong và ngoài nước; tổ chức các hội chợ, triển lãm dành riêng cho khu vực hợp tác xã.

a) Đối tượng hỗ trợ:

- Đơn vị chủ trì thực hiện các hội chợ, triển lãm dành riêng cho khu vực hợp tác xã;

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, đơn vị tham gia chương trình triển lãm trong và ngoài nước.

b) Nội dung và mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ tham gia hội chợ, triển lãm ở nước ngoài: Hỗ trợ 100% các khoản kinh phí nhưng mức tối đa không quá 200 triệu đồng/1 đơn vị tham gia;

- Hỗ trợ tham gia hội chợ triển lãm định hướng xuất khẩu Việt Nam: Hỗ trợ 50% kinh phí nhưng mức tối đa không quá 12 triệu đồng/1 đơn vị tham gia. Nếu tham gia hội chợ triển lãm tại tỉnh nhà được hỗ trợ 100% kinh phí, nhưng mức tối đa không quá 20 triệu đồng/1 đơn vị.

c) Điều kiện để được hỗ trợ: Nằm trong kế hoạch chương trình xúc tiến thương mại được phê duyệt hàng năm.

3. Hỗ trợ xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu

a) Ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% kinh phí cho hợp tác xã xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu;

b) Điều kiện để được hỗ trợ: Thương hiệu, nhãn hiệu của hợp tác xã xây dựng được Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam cấp Giấy chứng nhận hoặc chấp nhận đơn hợp lệ;

c) Mức hỗ trợ: Tối đa không quá 20 triệu đồng/hợp tác xã;

d) Nguồn kinh phí: Ngân sách tỉnh.

4. Xây dựng cổng thông tin điện tử

a) Hỗ trợ 100% chi phí để Liên minh Hợp tác xã tỉnh xây dựng và duy trì tên miền cổng thông tin điện tử cho các hợp tác xã (là nơi để các hợp tác xã giới thiệu sản phẩm, hàng hóa; trao đổi thông tin, kinh nghiệm; thông qua cổng thông

tin này là cầu nối giữa hợp tác xã và cơ quan quản lý nhà nước, các hợp tác xã có thể trao đổi, yêu cầu giải đáp thắc mắc và đề đạt trực tiếp nguyện vọng đến các cơ quan quản lý nhà nước);

b) Điều kiện để được hỗ trợ: Phải có đủ hồ sơ, chứng từ hợp pháp, hợp lệ;

c) Mức hỗ trợ:

- Xây dựng website: Tối đa không quá 100 triệu đồng;

- Duy trì tên miền: 500.000 đồng/tháng.

d) Nguồn kinh phí: Nguồn kinh phí sự nghiệp công nghệ thông tin của ngân sách tỉnh.

### **Điều 6. Hỗ trợ ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới**

1. Hỗ trợ 50% chi phí cho các hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp để ứng dụng công nghệ tiên tiến, giống mới có năng suất chất lượng cao vào sản xuất.

- Mức hỗ trợ: Tối đa không quá 200 triệu đồng/dự án/hợp tác xã.

2. Điều kiện để được hỗ trợ

- Các mô hình, dự án đề nghị hỗ trợ phải chưa được hỗ trợ từ chính sách khác;

- Hợp tác xã có văn bản đề xuất nhiệm vụ và phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

- Có hóa đơn, chứng từ hợp pháp, hợp lệ.

3. Nguồn kinh phí: Nguồn kinh phí khoa học sự nghiệp khoa học công nghệ của ngân sách tỉnh.

### **Điều 7. Chính sách hỗ trợ lãi suất tín dụng và quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã**

1. Hỗ trợ lãi suất

a) Các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi vay vốn để đầu tư phục vụ sản xuất sẽ được ngân sách tỉnh hỗ trợ lãi suất vay vốn thông qua Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã;

b) Mức hỗ trợ: 100% lãi suất cho năm đầu tiên và 50% lãi suất cho hai năm tiếp theo với mức vay tối đa không quá 300 triệu đồng/dự án/hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

c) Điều kiện để được hỗ trợ:

- Hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc địa bàn các xã đặc biệt khó khăn, các xã khó khăn trong tỉnh theo quy định tại Quyết định số 582/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn, xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2016 - 2020;

- Có dự án, phương án đầu tư khả thi được ngân hàng thương mại chấp thuận cho vay vốn;





- Có hóa đơn, chứng từ thanh toán lãi suất theo kế ước vay vốn của ngân hàng.

## 2. Hỗ trợ cho vay vốn

Các hợp tác xã đáp ứng đủ điều kiện sẽ được Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã (do Liên minh Hợp tác xã tỉnh làm đầu mối) cho vay vốn để phát triển sản xuất với mức lãi suất và hạn mức cho vay theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã tỉnh tại Quyết định số 2179/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

## **Điều 8. Hỗ trợ thành lập mới, tổ chức lại hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã**

### 1. Đối tượng và điều kiện hỗ trợ

- a) Tổ chức, cá nhân có nhu cầu thành lập hợp tác xã hoặc tham gia hợp tác xã (có văn bản đề nghị được hỗ trợ thành lập mới hợp tác xã);
- b) Các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập trước ngày 01 tháng 7 năm 2013 tổ chức lại hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã 2012 (có văn bản đề nghị được hỗ trợ tổ chức lại hợp tác xã).

### 2. Nội dung hỗ trợ

- a) Cung cấp thông tin, tư vấn, tập huấn về quy định pháp luật hợp tác xã trước khi thành lập hợp tác xã cho sáng lập viên hợp tác xã;
- b) Tư vấn xây dựng Điều lệ, phương án sản xuất kinh doanh, hướng dẫn và thực hiện các thủ tục thành lập, đăng ký và tổ chức hoạt động của hợp tác xã;
- c) Tư vấn thực hiện các thủ tục tổ chức lại hoạt động của hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã năm 2012.

### 3. Mức hỗ trợ và nguồn kinh phí

- a) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% kinh phí thành lập mới hợp tác xã và hỗ trợ 50% kinh phí (như đối với thành lập mới hợp tác xã) cho các hợp tác xã thuộc diện sát nhập, hợp nhất, chia, tách hợp tác xã. Cụ thể:
  - Thành lập mới: 20 triệu đồng/hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;
  - Sát nhập, hợp nhất, chia tách: 10 triệu đồng/hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

- b) Nguồn kinh phí: Ngân sách tỉnh.

## **Chương III HỖ TRỢ, KHUYẾN KHÍCH ĐỐI VỚI HỢP TÁC XÃ, LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN**

### **Điều 9. Hỗ trợ, ưu đãi đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn**

Ngoài việc được hưởng chính sách hỗ trợ, ưu đãi quy định tại Điều 4, 5, 6, 7, 8 Quy định này, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông

nghiệp, nông thôn cung ứng sản phẩm, dịch vụ cho các thành viên là những cá nhân, hộ gia đình, pháp nhân có hoạt động sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp còn được hưởng các chính sách hỗ trợ, ưu đãi được quy định tại các Điều 10, 11 Quy định này.

### **Điều 10. Hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng**

1. Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng bao gồm: Hệ thống tưới nước tiết kiệm; xây dựng xưởng sơ chế, bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp.

2. Các công trình kết cấu hạ tầng được nhà nước hỗ trợ xây dựng theo quy định tại khoản 1 Điều này, sau khi hoàn thành là tài sản không chia của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chịu trách nhiệm bảo quản, duy tu và bảo dưỡng các công trình trong quá trình sử dụng.

3. Điều kiện:

- Các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tạo ra chuỗi giá trị sản phẩm liên kết với tiêu thụ sản phẩm chủ lực của tỉnh có sức lan tỏa lớn;

- Có hợp đồng liên kết tiêu thụ nông sản với doanh nghiệp có giá trị tối thiểu 300 triệu đồng/năm;

- Tổ chức cho các thành viên sản xuất theo quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt hoặc được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến.

4. Mức hỗ trợ: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 30% kinh phí đầu tư nhưng không quá 500 triệu đồng/hợp tác xã.

5. Hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (điều, tiêu, rau sạch, cây ăn quả) được thành lập mới và đi vào hoạt động trong giai đoạn 2017 - 2020 ngoài việc được hưởng hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng còn được hỗ trợ một lần trong toàn bộ quá trình hoạt động của hợp tác xã để đầu tư cơ sở vật chất ban đầu cho bộ máy quản lý điều hành và hoạt động sản xuất của hợp tác xã từ nguồn ngân sách tỉnh với mức 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng)/hợp tác xã.

### **Điều 11. Chính sách giao đất, cho thuê đất để phục vụ hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã**

1. Việc hỗ trợ đất đai đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp sử dụng.

3. Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước cho cả thời hạn thuê cho hợp tác xã nông nghiệp sử dụng đất làm mặt bằng xây dựng trụ sở hợp tác xã, sân phơi, nhà kho; các cơ sở dịch vụ trực tiếp phục vụ sản xuất nông nghiệp.

4. Miễn tiền thuê đất đến hết năm 2020 đối với diện tích đất nông nghiệp trong hạn mức theo quy định của pháp luật cho từng vùng đối với hộ nông dân, xã viên hợp tác xã nông nghiệp nhận giao khoán của doanh nghiệp, hợp tác xã sản

xuất nông nghiệp nay phải chuyển sang thuê đất và ký hợp đồng thuê đất với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Luật Đất đai.

#### 5. Giảm tiền thuê đất

a) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuê đất để làm mặt bằng sản xuất kinh doanh được giảm 50% tiền thuê đất;

b) Nếu hợp tác xã thuê đất từ trước năm 2010 thì áp dụng Thông tư số 16/2013/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện việc gia hạn, giảm một số khoản thu ngân sách nhà nước theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, giải quyết nợ xấu (đính chính bởi Quyết định số 755/QĐ-BTC của Bộ Tài chính).

### Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**Điều 12.** Giao Ủy ban nhân dân tỉnh phân công trách nhiệm các cơ quan và tổ chức triển khai thực hiện.

#### **Điều 13. Điều khoản thi hành**

Những chính sách khuyến khích chưa được quy định tại Quy định này thực hiện theo Luật Hợp tác xã năm 2012 và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan./.



**Trần Tuệ Hiền**